



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 13

Ngày 15 tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

28/02/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 20/2025/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La.	4
03/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 21/2025/QĐ-UBND quy định các khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật theo hình thức phân lô bán nền cho cá nhân tự xây dựng nhà ở và các khu vực phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê trên địa bàn tỉnh Sơn La	27
07/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 23/2025/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với Phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.	30
07/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 24/2025/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.	45
07/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 25/2025/QĐ-UBND quy định hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	47

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**UBND TỈNH**

28/02/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 452/QĐ-UBND về việc thành lập Bảo tàng và Thư viện tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La.	52
28/02/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 453/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La.	54
28/02/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 468/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sơn La.	56
28/02/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 469/QĐ-UBND về việc tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở tiếp nhận thêm nhiệm vụ chuyển đổi số, thông tin dữ liệu lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, giảm nghèo thành Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	58
28/02/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 472/QĐ-UBND về việc tổ chức lại Trung tâm khuyến nông trên cơ sở sáp nhập với Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Trung tâm khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	60
28/02/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 474/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La.	62
03/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 480/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai tháng cao điểm hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sơn La.	64
12/03/2025	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 06/CT-UBND về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025.	71

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính
phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04
tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc
UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
31 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở
Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường
thuộc UBND cấp huyện;*

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp tỉnh và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 461/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của HĐND tỉnh Sơn La về việc thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 80/TTr-SNN ngày 24 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ, viễn thám, các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo quyết định của UBND tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của UBND tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch dài hạn, 05 năm, hàng năm, các chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về nông nghiệp, môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đối với Sở và UBND cấp huyện theo quy định;

d) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở, chi cục thuộc Sở; dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công;

b) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở;

c) Dự thảo quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với UBND huyện; các cán bộ chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và môi trường công tác trên địa bàn cấp xã với UBND xã.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về trồng trọt, bảo vệ thực vật

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với địa phương, cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh; kế hoạch phát triển trồng trọt của tỉnh; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; kế hoạch phòng chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa;

b) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn tỉnh; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng, bảo vệ và cải tạo nâng cao độ phì đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa và sạt lở đất; thực hiện cấp mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng; quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

g) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp.

5. Về chăn nuôi, thú y và thủy sản

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chiến lược, kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; quyết định của HĐND tỉnh về khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ, sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc thú y; các quy định, chính sách, hướng dẫn về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

b) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng và tổ chức vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, vùng chăn nuôi, sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc động vật gắn với xử lý chất thải và bảo vệ môi trường; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; cơ sở dữ liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động chăn nuôi, hoạt động thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam khi được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống vật nuôi; quản lý giống vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và các vật tư khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc thú y, vật tư, hàng hóa thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh sau khi được UBND tỉnh phê duyệt;

g) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

h) Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, thức ăn chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước trên địa bàn tỉnh; kiểm tra điều kiện, đánh giá giám sát duy trì điều kiện của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; giám sát việc tiêu hủy đối với thức ăn chăn nuôi vi phạm chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ; đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo quy định của pháp luật.

i) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: Kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; quyết định công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên; quyết định thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cấp tỉnh; quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác thủy sản chưa có tên trong danh mục theo quy định của pháp luật;

k) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động thủy sản trên địa bàn; tổ chức sản xuất khai thác thủy sản; quản lý đối với khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề; tổ chức thực hiện hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản; điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh trong nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản; xây dựng cơ sở dữ liệu về thủy sản trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản;

l) Thực hiện quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát hoạt động khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định pháp luật;

m) Tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

n) Quản lý khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn tỉnh theo quy định;

o) Tổ chức thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm tại chợ thủy sản đầu mối trên địa bàn tỉnh; quản lý mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Về lâm nghiệp

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh;

chủ trương chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; phân loại rừng, phân định ranh giới các loại rừng; quyết định giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng; quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng, thuê đất để trồng rừng sản xuất; phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; quyết định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh; quyết định thành lập khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh; quyết định đóng, mở cửa rừng tự nhiên tại địa phương theo quy định; báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở tỉnh; phương án huy động các lực lượng, vật tư, phương tiện, thiết bị của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh để ứng phó khẩn cấp chữa cháy rừng theo thẩm quyền của UBND tỉnh;

b) Giúp UBND tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về lâm nghiệp; tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; cập nhật cơ sở dữ liệu, hồ sơ quản lý rừng trên địa bàn tỉnh; bảo vệ rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; phát triển rừng; sử dụng rừng; khai thác lâm sản; tổ chức sản xuất lâm nghiệp gắn với chế biến và thương mại lâm sản trên địa bàn;

c) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, chiến lược phát triển lâm nghiệp, quy hoạch lâm nghiệp; chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về lâm nghiệp theo quyết định của UBND tỉnh;

d) Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của kiểm lâm theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra về sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp kết hợp trong rừng theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lâm nghiệp; công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, vườn giống và rừng giống trên địa bàn tỉnh; xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; tổng hợp, cập nhật, công bố công khai danh mục nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận hoặc hủy bỏ công nhận; trồng rừng; nuôi dưỡng rừng; làm giàu rừng; cải tạo rừng tự nhiên và khoanh nuôi tái sinh rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng, chống dịch bệnh gây hại rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng;

g) Tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, phòng hộ thuộc địa phương quản lý; thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn,

kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển cây lâm nghiệp phân tán theo quy định;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã và chủ rừng trong quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương, phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, quản lý lâm sản, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng.

7. Về thủy lợi

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản thủy lợi, quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; quyết định giao tổ chức quản lý hoặc phân cấp quản lý công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước, công trình thủy lợi khác thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình thủy lợi khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; quy mô thủy lợi nội đồng; kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn do địa phương quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh báo cáo UBND tỉnh thông qua các mức giá và phê duyệt giá cụ thể của sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì xây dựng phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi, các nội dung liên quan đến thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch thủy lợi và quy hoạch ngành quốc gia theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và của UBND tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ của UBND tỉnh; tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn theo phân cấp của UBND tỉnh;

đ) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn, thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi theo quy định của pháp luật và phân công của UBND tỉnh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn; phối hợp quản lý việc xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

g) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

h) Theo dõi, giám sát, quan trắc diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi; hướng dẫn, quản lý việc tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý vận hành, điều tiết nguồn nước của các hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt trong thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, sa mạc hóa, ngập lụt, úng trên địa bàn tỉnh; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

i) Chủ trì xây dựng, trình UBND tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Về phòng, chống thiên tai

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo phân công của UBND tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của UBND tỉnh;

c) Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn và công trình.

9. Về phát triển nông thôn và giảm nghèo

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp; tổ

chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản, tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống; phát triển ngành thủ công mỹ nghệ; đào tạo, phổ biến chính sách công trong nông nghiệp; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp; bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn; theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện; định canh; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn gắn với tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới;

d) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn; chương trình hành động không còn nạn đói; bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh và quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các chương trình, dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công và quy định của pháp luật chuyên ngành.

e) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách giảm nghèo; chế độ, chính sách và pháp luật đối với người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp;

g) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo thẩm quyền; các chương trình, đề án, dự án về giảm nghèo;

h) Tổng hợp, thống kê số liệu người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

10. Về chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông sản, lâm sản, thủy sản;

c) Thực hiện công tác thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường, chương trình phát triển thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản.

11. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản

a) Hướng dẫn, kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, tổ chức thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh;

b) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp theo quy định;

c) Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Kiểm tra, truy xuất, thu hồi, xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và quy định của pháp luật;

đ) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo quy định của pháp luật.

g) Quản lý an toàn thực phẩm đối với khu vực và trung tâm logistics nông sản, chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Về đất đai

a) Tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực đất đai theo phân cấp và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng đất đai;

c) Tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện do UBND cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt theo chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ; tổng

hợp, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất; tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo thẩm quyền; giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc trưng dụng đất theo quy định;

đ) Thực hiện việc đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất theo thẩm quyền và theo ủy quyền của UBND tỉnh, ký hợp đồng thuê đất; lập, quản lý, cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính; cấp, đính chính, thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thẩm quyền;

e) Tổ chức thực hiện và hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện điều tra, đánh giá và bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đai; thống kê, kiểm kê, xây dựng, vận hành hệ thống theo dõi và đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất đai;

g) Chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức việc xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất; quản lý giá đất; quản lý tài chính về đất đai;

h) Tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức việc xác định giá đất cụ thể theo thẩm quyền;

i) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi địa phương, kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật;

l) Kiểm tra và tổ chức thực hiện việc phát triển, quản lý và khai thác quỹ đất; thẩm định phương án đấu giá quyền sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền;

m) Tham mưu giúp UBND tỉnh giải quyết tranh chấp đất đai theo thẩm quyền; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về đất đai theo thẩm quyền;

n) Tổ chức và giám sát việc thực hiện các hoạt động dịch vụ công về đất đai theo thẩm quyền;

o) Theo dõi, đánh giá, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai của địa phương theo quy định của pháp luật; tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai theo thẩm quyền.

13. Về tài nguyên nước

a) Lập, tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh; tổ chức xây dựng, thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; thực hiện các biện pháp điều hoà, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước;

b) Tổ chức thực hiện việc khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất;

c) Tổ chức xây dựng, vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh; giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp phép;

d) Tổ chức thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước; tổ chức lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước;

đ) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất; tổ chức đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt; thẩm định hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh, truy thu, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc đăng ký, kê khai việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

e) Tổ chức thực hiện Chiến lược tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch về tài nguyên nước; xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn;

g) Xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh; xác định, điều chỉnh vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh; phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đập, hồ chứa xây dựng trên các sông, suối thuộc thẩm quyền đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước;

h) Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành; lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với hồ, ao, đầm, phá thuộc nguồn nước mặt nội tỉnh; lập, điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh;

i) Cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; cung cấp thông tin, số liệu để xây dựng kịch bản nguồn nước;

k) Phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

14. Về tài nguyên khoáng sản và địa chất

a) Khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; xác định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; đề xuất với UBND tỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; lập kế hoạch và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh sau khi được phê duyệt;

b) Lập phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của địa phương theo quy định; kịp thời phát hiện và báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi phát hiện có thông tin khoáng sản mới; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

c) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III, giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; Giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II và giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định, công bố; Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; giấy phép khai thác đối với khoáng sản đi kèm có trữ lượng theo phân cấp; giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản; hồ sơ trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ; hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản. Tham mưu cho UBND tỉnh chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV; xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV;

d) Tổ chức tiếp nhận, tính, thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với các mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

đ) Tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh giải quyết việc khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản đối với các khoáng sản thuộc thẩm quyền công nhận, phê duyệt của UBND tỉnh; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

g) Tổ chức tham mưu, thực hiện lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Sơn La;

h) Tổ chức thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất đối với đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận và được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của địa

phương theo quy hoạch đã được phê duyệt; thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả đánh giá tiềm năng đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV và được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của địa phương theo quy hoạch đã được phê duyệt;

i) Tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về địa chất, khoáng sản và xử lý vi phạm pháp luật về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật; tổ chức việc kiểm soát, giám sát mọi hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản trên địa bàn;

k) Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa các địa phương hoặc giữa địa phương với các Bộ, ngành trong quản lý nhà nước về khoáng sản;

l) Tham mưu UBND tỉnh Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản ở trung ương về tình hình hoạt động địa chất, khoáng sản trên địa bàn.

15. Về môi trường

a) Xây dựng, lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh; tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm, các chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Tham gia ý kiến đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong các chiến lược, quy hoạch theo quy định của pháp luật; Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt, cấp phép của UBND cấp tỉnh và phân cấp theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức quản lý, kiểm soát nguồn thải; quản lý chất thải, chất lượng môi trường từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn theo quy định của pháp luật, gồm: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường; tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc tự động liên tục đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; kiểm tra, giám sát hoạt động quan trắc định kỳ đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; cải tạo và phục hồi môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý theo quy định;

d) Tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện nội dung quản lý chất thải rắn trên địa bàn; lập kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý chất thải rắn; chỉ đạo, tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về chất thải rắn; tham mưu ban hành biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ xử lý chất thải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

đ) Tổ chức thu gom, xử lý chất thải nhựa trên địa bàn; tuyên truyền, vận động việc hạn chế sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa sử dụng một lần; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu hồi, xử lý các sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tham gia, hướng dẫn, kiểm tra việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và các hoạt động quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thống kê, xây dựng, duy trì và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường; tổ chức lập, công bố báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh, báo cáo chuyên đề về môi trường tỉnh; hướng dẫn, tổ chức xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức điều tra, đánh giá, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công của UBND tỉnh; tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn theo phân công của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cải tạo phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định của pháp luật; tổ chức xác định thiệt hại đối với môi trường; yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

i) Tổ chức xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường, thực hiện quan trắc môi trường, thông tin về chất lượng môi trường, cảnh báo về ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

k) Tổng hợp nhu cầu kinh phí sử dụng nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, gửi Sở Tài chính để cân đối trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

l) Tổ chức thực hiện chính sách về thuế, phí bảo vệ môi trường, trái phiếu xanh và các công cụ kinh tế khác; ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật để huy động, sử dụng nguồn lực cho bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

m) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên huyện trên địa bàn tỉnh và công tác khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật; tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới;

n) Giúp UBND tỉnh tổ chức quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

16. Về đa dạng sinh học

a) Tổ chức thực hiện hoạt động đăng ký, công nhận, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo sự phân công của UBND tỉnh; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép nuôi trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

b) Tổ chức xây dựng phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học lồng ghép vào quy hoạch tỉnh; tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh mục, dự án thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, cảnh quan sinh thái quan trọng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; tổ chức biện pháp bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo tồn nguồn gen các loài bản địa, loài có giá trị tại địa phương; quản lý, giám sát hoạt động tiếp cận nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen theo quy định của pháp luật; kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen và sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; tổ chức kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo đa dạng sinh học, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; tổ chức thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học cấp tỉnh; lập hồ sơ đề cử công nhận và thực hiện chế độ quản lý các danh hiệu quốc tế về bảo tồn (vườn di sản của ASEAN, khu Dự trữ sinh quyển thế giới...);

c) Tổ chức xây dựng dự án xác lập, tổ chức thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên cấp tỉnh trên địa bàn quản lý; khuyến khích các tổ chức, cá nhân, cộng đồng đề xuất xác lập di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức xây dựng dự án xác lập di sản thiên nhiên cấp quốc gia trên địa bàn quản lý và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia;

đ) Tham mưu tổ chức xây dựng quy chế, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên nằm trên địa bàn tỉnh; thống nhất quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trên địa bàn tỉnh; thực hiện các quy định quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật.

17. Về khí tượng thủy văn

a) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng;

b) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn của trung ương trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh;

đ) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn, phạm vi quản lý;

e) Thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

g) Tham mưu xây dựng, trình UBND cấp tỉnh ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn quản lý;

h) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về cung cấp thông tin khí tượng thủy văn liên quan đến vận hành của chủ các công trình hồ chứa trong thời gian có lũ theo quy định của pháp luật;

i) Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn; thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các công trình, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức kiểm tra, đôn đốc theo thẩm quyền các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo và thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.

18. Về biến đổi khí hậu

a) Xây dựng, lồng ghép và tổ chức thực hiện các nội dung biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng và dựa vào hệ sinh thái; ứng phó với nước biển dâng và ngập lụt đô thị; tổ chức đánh giá tác động tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý; định kỳ hàng năm tổng hợp, gửi báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

c) Tổ chức thực hiện việc giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành, cấp địa phương trong phạm vi quản lý;

d) Cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan; kiểm tra việc thực hiện hoạt động có liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ các chất thuộc danh mục các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát tại địa phương theo quy định của pháp luật và theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

e) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu được quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hằng năm lập báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ xây dựng báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Tham gia triển khai thực hiện cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo theo quy định;

i) Tham mưu cho UBND tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính thực hiện xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon; tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ các-bon phục vụ quản lý và theo dõi, giám sát thị trường các-bon, quy định các hoạt động kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới, quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon, xây dựng tài liệu tuyên truyền, thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường các-bon và các hoạt động thúc đẩy việc phát triển thị trường các-bon; tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng về thị trường các-bon.

19. Về đo đạc và bản đồ

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý, ban hành văn bản theo thẩm quyền, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ theo quy định của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các sở, ban, ngành, UBND các cấp của địa phương thực hiện;

c) Tổ chức bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc thuộc phạm vi quản lý và công trình hạ tầng đo đạc thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Đo đạc và bản đồ; phối hợp bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc khác trên địa bàn do Trung ương quản lý;

d) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; thành lập, cập nhật bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000; vận hành cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;

e) Quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; quản lý việc lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;

g) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức sát hạch, cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II; lưu trữ hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, đăng tải thông tin của cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

i) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các xuất bản phẩm bản đồ có nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản, các xuất bản phẩm bản đồ, sản phẩm bản đồ sai sót về kỹ thuật theo quy định;

k) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn; xây dựng báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chính phủ;

l) Kiểm tra việc thực hiện nội dung hoạt động đo đạc bản đồ đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép có trụ sở trên địa bàn tỉnh; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.

20. Về viễn thám

a) Tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám trong điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý;

b) Xác định nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám của địa phương, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận; thực hiện thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương; gửi bản sao dữ liệu và siêu dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia theo quy định pháp luật;

c) Thẩm định, quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các hoạt động bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám trên địa bàn theo quy định pháp luật.

21. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu nông nghiệp và tài nguyên cấp tỉnh; tích hợp, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp và môi trường;

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, hạ tầng mạng, nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý; thực hiện bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng theo quy định;

c) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, xây dựng đô thị, nông thôn thông minh, phát triển kinh tế - xã hội;

d) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến về nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng dịch vụ công Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cổng dịch vụ công quốc gia;

đ) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

22. Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

23. Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

24. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại các địa phương trong tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định của pháp luật.

25. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của UBND tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

26. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp và môi trường; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diễn biến rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản và các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường theo quy định.

27. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây

dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, phòng, chống thiên tai, phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; thực hiện chương trình, dự án về lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất, khoáng sản, tài nguyên nước; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

28. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, quy định của pháp luật.

29. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

30. Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

31. Thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

32. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức Phòng Nông nghiệp và Môi trường ở các huyện hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường tại huyện, thị xã, thành phố; chức danh chuyên môn thuộc UBND cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác, chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với UBND huyện; các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và môi trường công tác trên địa bàn cấp xã với UBND xã.

33. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh; trình UBND tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

34. Thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

35. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng nông thôn mới; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chống sa mạc hóa; quản lý buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm; phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

36. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định.

37. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, Văn phòng, Thanh tra; mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Sở theo hướng dẫn chung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và quy định của UBND tỉnh.

38. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

39. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của UBND tỉnh.

40. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

41. Thực hiện nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Tổ chức cán bộ;
- d) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- đ) Phòng Địa chất và Khoáng sản;
- e) Phòng Quản lý tài nguyên đất;
- g) Phòng Quản lý môi trường;
- h) Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám.

2. Các Chi cục trực thuộc Sở

- a) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- b) Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản;
- c) Chi cục Kiểm lâm;
- d) Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước;
- đ) Chi cục Phát triển nông thôn.

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

- a) Văn phòng Đăng ký đất đai;
- b) Trung tâm Khuyến nông;
- c) Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu;
- d) Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường;
- đ) Trung tâm Phát triển Quỹ đất.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Quyết định này thay thế Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 07 tháng 1 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật theo hình thức phân lô bán nền cho cá nhân tự xây dựng nhà ở và các khu vực phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 47/TTr-SXD ngày 26 tháng 02 năm 2025, Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Báo cáo số 57/BC-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025; Kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 66/BC-STP ngày 20 tháng 02 năm 2025; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật theo hình thức phân lô bán nền cho cá nhân tự xây dựng nhà ở và các khu vực phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Sơn La.
2. Các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đầu tư dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Các khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật theo hình thức phân lô bán nền cho cá nhân tự xây dựng nhà ở và các khu vực phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê

1. Các khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật theo hình thức phân lô bán nền cho cá nhân tự xây dựng nhà ở là các khu vực không thuộc quy định tại khoản 5 Điều 5 Luật Nhà ở năm 2023, khoản 6 Điều 31 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và trừ các khu vực sau:

a) Khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình điểm nhấn trong khu vực phường, thị trấn của đô thị loại IV và loại V được xác định theo đồ án quy hoạch đô thị được duyệt; quy định quản lý của đồ án quy hoạch đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc đô thị được phê duyệt;

b) Khu vực có mặt tiền giáp các tuyến đường khu vực trở lên (*thuộc khu vực phường, thị trấn của đô thị loại IV*); mặt tiền giáp các tuyến đường liên khu vực trở lên (*thuộc khu vực thị trấn của đô thị loại V*) được xác định theo đồ án quy hoạch đô thị được duyệt; quy định quản lý của đồ án quy hoạch đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc đô thị được phê duyệt;

c) Khu vực có mặt tiền giáp các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh lộ trong khu vực phường, thị trấn của đô thị loại IV và loại V;

d) Đối với các khu vực dự kiến phát triển thành thị trấn và đã có quy hoạch đô thị được phê duyệt thì áp dụng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

2. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê tại các khu vực theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện**1. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định này; kịp thời xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc (nếu có); trường hợp vượt thẩm quyền tham mưu đề xuất, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định;

2. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này; tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi quản lý ngành.

3. UBND các huyện, thị xã và thành phố

Căn cứ quy định tại Quyết định này tổ chức lập đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng nhà ở khi được UBND tỉnh giao theo đúng quy định; Kịp thời tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, gửi Sở Xây dựng để báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

4. Nhà đầu tư, chủ đầu tư nghiên cứu, lựa chọn nội dung đầu tư khi đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo Quyết định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có những vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy chế phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với Phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với Phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện, UBND cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện;
3. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện;
4. Cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất, thông suốt, chặt chẽ, kịp thời, công khai, minh bạch;
2. Xác định rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; nội dung, thời hạn, cách thức thực hiện; chế độ thông tin, báo cáo;
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức hoạt động của từng cơ quan, đơn vị và trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, của công chức, viên chức, người lao động trong việc chủ trì và phối hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh;
4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính về đất đai phải chủ động phối hợp, giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong

quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu vướng mắc mà các bên không thống nhất được cách giải quyết thì cơ quan chủ trì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

5. Cơ quan, đơn vị nhận được hồ sơ luân chuyển đến theo thủ tục hành chính phải thực hiện giải quyết hồ sơ theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, đảm bảo đúng thời hạn quy định của bộ thủ tục hành chính và quy trình nội bộ đã được phê duyệt. Các cơ quan tham gia giải quyết thủ tục hành chính nếu thấy có vấn đề vướng mắc, chưa rõ, chưa đúng thì chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý, làm rõ hoặc yêu cầu làm lại cho đúng quy định của pháp luật. Các cơ quan, đơn vị khác theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp thực hiện. Việc xử lý, giải quyết vướng mắc phải bằng văn bản cụ thể, trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó.

2. Tổ chức hội nghị, hội ý.

3. Các hình thức khác.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Trình tự, thủ tục và thời gian giải quyết hồ sơ về đất đai được thực hiện theo bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai, thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và Quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính tại Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp hồ sơ do cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính chuyển đến chưa đầy đủ thành phần, chưa thống nhất về nội dung thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan có liên quan phải trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung thông tin, tài liệu cần bổ sung để cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính, Bộ phận một cửa hoặc người sử dụng đất bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận*) có trách nhiệm chủ trì giải quyết hoặc phối hợp giải quyết các vướng mắc khi chưa có sự thống nhất ý kiến giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan cụ thể:

a) UBND cấp huyện chủ trì giải quyết các vướng mắc liên quan cấp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện như: Cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam; đính chính sai sót trên Giấy chứng nhận trước đây huyện đã ký Giấy chứng nhận; Cấp Giấy

chứng nhận do chuyển mục đích sử dụng đất; Cấp Giấy chứng nhận sau dồn điền đổi thửa.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì giải quyết các vướng mắc liên quan cấp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở và theo ủy quyền của UBND tỉnh (*trong trường hợp được ủy quyền*) như: Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

c) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chủ trì giải quyết các vướng mắc có liên quan đến đăng ký biến động đất đai, đính chính sai sót đối với thẩm quyền giải quyết các thủ tục thuộc thẩm quyền của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

4. Tham gia các đoàn công tác liên ngành

Khi thành lập tổ chức liên ngành cần có sự hỗ trợ trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn, đơn vị chủ trì hoặc UBND cấp huyện có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến trước khi đưa lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố tham gia đoàn công tác của các huyện, thành phố hoặc liên ngành của tỉnh.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trong việc tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ và trả kết quả

1. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, cấp đổi, cấp lại, đính chính và thu hồi Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, của Sở Nông nghiệp và Môi trường, của Văn phòng đăng ký đất đai đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến Phòng Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thụ lý giải quyết và trả kết quả cho người sử dụng đất.

3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, của Văn phòng đăng ký đất đai.

4. UBND cấp xã nơi có đất có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam (*sau đây gọi là cá nhân*), cộng đồng dân cư có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã.

5. Luân chuyển hồ sơ đối với người sử dụng đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

a) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý giải quyết và nhận lại kết quả để trả cho người sử dụng đất.

b) Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, thẩm tra, giải quyết và trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh để trao cho người sử dụng đất.

6. Luân chuyển hồ sơ đối với người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

a) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện chuyển hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp và Môi trường hoặc UBND cấp xã hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý giải quyết theo thẩm quyền và nhận lại kết quả để trả cho người sử dụng đất.

b) Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện chuyển hồ sơ về thụ lý giải quyết và trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện để trả cho người sử dụng đất hoặc UBND cấp xã (*đối với trường hợp nộp hồ sơ tại xã*).

7. Việc tiếp nhận hồ sơ theo bộ thủ tục hành chính hiện hành và theo quy định, có sổ sách tiếp nhận, có phiếu hẹn trả kết quả cụ thể. Trường hợp cá biệt (*hồ sơ không đầy đủ, không đúng thông tin*), Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm trao đổi, thống nhất với Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thống nhất hướng dẫn một lần để người sử dụng đất sửa chữa, bổ sung những nội dung, giấy tờ còn thiếu đảm bảo đúng quy định.

Trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và có văn bản xin lỗi

người sử dụng đất (*trong đó, ghi rõ lý do quá hạn, quá hạn ở đơn vị nào, thời gian đề nghị gia hạn kết quả*). Việc hẹn trả kết quả được thực hiện không quá một (01) lần.

8. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải luân chuyển và trả kết quả theo thủ tục hành chính trong thời gian không quá 01 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ, trừ trường hợp đã thông báo nhưng người sử dụng đất không đến nhận hoặc chưa thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

Điều 7. Trách nhiệm phối hợp của UBND cấp xã

1. Phối hợp tham gia kiểm tra thực địa theo đề nghị của cơ quan, đơn vị chủ trì hoặc theo đề nghị của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Ý kiến của người được cử tham gia kiểm tra thực địa là ý kiến của UBND cấp xã. Trường hợp có ý kiến khác với ý kiến của người được cử tham gia kiểm tra thực địa, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc. UBND cấp xã phải có văn bản trao đổi với Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

2. Tiếp nhận hồ sơ do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Phòng Nông nghiệp và Môi trường chuyển đến hoặc người sử dụng đất nộp để kiểm tra, xác nhận.

a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký. Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất thì xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất; tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt.

b) Trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 138 của Luật Đất đai năm 2024 thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký, sự phù hợp với quy hoạch.

c) Trường hợp có sự chênh lệch về kích thước các cạnh, diện tích, số hiệu của thửa đất do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất so với số liệu ghi trên giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất thì thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trích đo địa chính thửa đất sau đó kiểm tra, xác nhận sự thay đổi ranh giới thửa đất đang sử dụng so với thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, xác nhận tình trạng tranh chấp, hiện trạng sử dụng đất và sự phù hợp với quy hoạch.

d) Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính (*bản đồ địa chính, mảnh trích đo bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai*) và các tài liệu khác có liên quan đang quản lý khi có biến động hoặc có thông báo cập nhật chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến.

đ) UBND cấp xã chịu trách nhiệm toàn bộ về việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai, sự phù hợp với quy hoạch, hiện trạng sử dụng đất và các thông tin xác nhận khác trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

e) Xác nhận khi người sử dụng đất có nhu cầu xin xác nhận trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và sử dụng đúng mục đích sử dụng đất đã cấp trên Giấy chứng nhận hoặc khi có đề nghị của các cơ quan, đơn vị đề nghị xác nhận.

3. Kiểm tra, thống kê danh sách người sử dụng đất trên địa bàn chưa được công nhận quyền sử dụng đất báo cáo về UBND cấp huyện để tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai.

4. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật đất đai của người sử dụng đất; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm hành chính đất đai báo cáo UBND cấp huyện; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

5. Thực hiện trích lục bản đồ địa chính, trích lục bản trích đo địa chính đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc mảnh trích đo địa chính theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện

Theo định kỳ hàng tháng, quý, năm tổng hợp số liệu giải quyết thủ tục hành chính của Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, thống kê số lượng hồ sơ trước hạn, đúng hạn, chậm hạn của các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính về đất đai báo cáo UBND cấp huyện và Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp của Phòng Nông nghiệp và Môi trường

1. Phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trong việc giải quyết các thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai trên địa bàn; tham mưu, thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, thu hồi, hủy bỏ, đính chính Giấy chứng nhận các trường hợp thuộc thẩm quyền; chuyển mục sử dụng đất theo quy định.

2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, UBND cấp xã chuyển đến. Trong thời hạn quy định, Phòng Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trình UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận, đính chính nội dung Giấy chứng nhận, ban hành Quyết định công nhận quyền sử dụng đất và các thủ tục hành chính khác theo thẩm quyền.

a) Đối với những trường hợp hồ sơ cần bổ sung, xác minh thông tin thì trong thời gian không quá ba (03) ngày, Phòng Nông nghiệp và Môi trường có Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ gửi người sử dụng đất hoặc UBND cấp xã để hoàn thiện bổ sung theo quy định.

b) Thực hiện trích lục bản đồ địa chính, trích lục bản trích đo bản đồ địa chính theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

c) Chuyển thông tin địa chính thửa đất sang cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với các hồ sơ thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

d) Phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai trong việc tiếp nhận và quản lý, sử dụng phối Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định.

3. Chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định đồng thời với chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để trao cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

4. Đối với thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai ngay khi có thông báo xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của cơ quan thuế.

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp của UBND cấp huyện

1. Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường và các phòng ban khác thuộc UBND cấp huyện thẩm định những hồ sơ cấp Giấy chứng nhận hoặc trả lời theo phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền giải quyết do Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến.

2. Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, Tờ trình xin cấp Giấy chứng nhận của UBND cấp xã chuyển đến, ký ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc về cơ chế, chính sách thì xin ý kiến các cơ quan liên quan.

3. Chỉ đạo các phòng chuyên môn cung cấp các quyết định giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác có liên quan, cùng bản đồ thửa đất (*bản giấy và bản số*) đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết cho Văn phòng đăng ký đất đai (*đối với quyết định thu hồi đất của tổ chức*) hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (*đối với hộ gia đình cá nhân*) để cập nhật, chỉnh lý.

4. Chỉ đạo UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ có liên quan theo quy định của bộ thủ tục hành chính về đất đai và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ với cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

5. Bố trí phòng làm việc, tạo điều kiện cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Cử cán bộ chuyên môn thực hiện tiếp nhận và trả kết quả theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

6. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn liên quan cấp huyện cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch chuyên ngành và hồ sơ liên quan đến quản lý đất đai, xây dựng, xử lý vi phạm của người sử dụng đất cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để phục vụ công tác đăng ký biến động đất đai, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn.

7. Trường hợp cần có sự hỗ trợ trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn, UBND cấp huyện có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến trước khi đưa Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố tham gia đoàn công tác hoặc hội đồng của cấp huyện.

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

1. Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai được quy định tại Điều 13 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo quy định và luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

3. Thực hiện cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khi có đề nghị bằng văn bản của UBND cấp xã, Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan (*theo thời gian quy định khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp bản số khi có yêu cầu*). Thực hiện lưu trữ, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai đối với những hồ sơ của UBND cấp xã, Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan chuyển đến.

4. Thực hiện trích lục bản đồ địa chính hoặc trích lục mảnh trích đo bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất ở nơi chưa có bản đồ địa chính, đo bổ sung sơ đồ nhà ở và tài sản gắn liền với đất hoặc tiến hành kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp (*nếu có*). Kiểm tra, xác nhận sơ đồ tài sản gắn liền với đất mà sơ đồ đó chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ. Kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết.

5. Ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin ghi trên phiếu. Việc thực hiện luân chuyển hồ sơ thực hiện trên môi trường điện tử; gửi hồ sơ hoặc Phiếu lấy ý kiến đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để lấy ý kiến xác nhận các thông tin theo quy định (*nếu cần*).

6. Hoàn thiện hồ sơ hoặc thông báo trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất hoàn thiện trong thời gian không quá 03 ngày làm việc theo thông báo trả lại hồ sơ của các cơ quan có liên quan. Đối với trường hợp để chậm muộn hồ sơ do nguyên nhân chủ quan, khách quan, Văn phòng đăng ký đất đai phải có văn bản xin lỗi tổ chức, doanh nghiệp nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phải có văn bản xin lỗi công dân nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

7. Khi có yêu cầu của UBND cấp xã, cấp huyện hoặc các đơn vị liên quan và có ý kiến chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Môi trường thì Văn phòng đăng ký đất đai

hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phải có trách nhiệm tham gia giải quyết hoặc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Định kỳ hàng quý (03 tháng) có trách nhiệm tổng hợp thông tin báo cáo kết quả hoạt động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai gửi cho UBND cấp huyện để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh.

8. Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật bản đồ địa chính vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 11 của Quy chế này.

a) Sau khi Chủ đầu tư dự án gửi văn bản đề nghị ký duyệt trích đo địa chính và các sản phẩm trích đo về Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, pháp lý của sản phẩm trích đo; kiểm tra thể thức trình bày của sản phẩm trích đo địa chính.

b) Ký duyệt mảnh trích đo địa chính thuộc trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai. Thời gian ký duyệt sản phẩm không quá 10 ngày làm việc kể từ khi Văn phòng đăng ký đất đai nhận đủ hồ sơ, tài liệu từ chủ đầu tư dự án.

c) Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt sản phẩm phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất và mục đích quản lý đất đai khác là việc ký xác nhận để đưa sản phẩm trích đo vào sử dụng theo quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.

9. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Thời gian ký duyệt sản phẩm không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nhận đủ hồ sơ, tài liệu từ người sử dụng đất.

Điều 12. Trách nhiệm phối hợp của Sở Xây dựng

1. Trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến và hồ sơ kèm theo của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Nông nghiệp và Môi trường; trường hợp không đủ điều kiện thì phải có văn bản hướng dẫn cụ thể để Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện hoặc trả lại bộ phận một cửa để hướng dẫn, trả lời người thực hiện thủ tục hành chính.

2. Phối hợp giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Trách nhiệm phối hợp của Cơ quan Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND cấp huyện để thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất *(nếu có)* khi được cấp Giấy chứng nhận.

Điều 14. Trách nhiệm phối hợp của Cơ quan Thuế

1. Tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính do Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường chuyển đến. Trong thời hạn 07 ngày làm việc *(đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài)* và 05 ngày làm việc *(đối với cá nhân, hộ gia đình)*, Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định, ra thông báo về nghĩa vụ tài chính mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phải nộp hoặc không phải nộp; trả kết quả cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường theo cơ chế một cửa liên thông đồng thời gửi một (01) bản cho người sử dụng đất để biết và thực hiện.

Trường hợp hồ sơ có sai sót hoặc thiếu căn cứ xác định nghĩa vụ tài chính thì trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc Cơ quan Thuế thông báo bằng văn bản gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường để xác định, bổ sung thông tin hoàn thiện hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của Người sử dụng đất gửi cho Cơ quan Thuế. Việc thực hiện luân chuyển hồ sơ thực hiện trên môi trường điện tử hoặc bằng bản giấy qua đường bưu điện khi hệ thống điện tử bị lỗi.

2. Tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, xác định đơn giá thuê đất của người sử dụng đất do cơ quan Nông nghiệp và Môi trường cùng cấp chuyển đến. Trong thời hạn 05 ngày làm việc Cơ quan Thuế có trách nhiệm ra Thông báo đơn giá thuê đất, trả kết quả cho cơ quan Nông nghiệp và Môi trường để ký Hợp đồng thuê đất.

Trường hợp hồ sơ có sai sót, thiếu thông tin chưa đủ căn cứ để ra thông báo đơn giá thuê đất thì trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc Cơ quan Thuế thông báo bằng văn bản gửi cho cơ quan Nông nghiệp và Môi trường bổ sung thông tin, hoàn thiện hồ sơ địa chính theo quy định. Việc thực hiện luân chuyển hồ sơ thực hiện trên môi trường điện tử hoặc bằng bản giấy qua đường bưu điện khi hệ thống điện tử bị lỗi.

Trường hợp quá thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ mà Cơ quan Thuế chưa ban hành Thông báo thuế để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất thì Cơ quan Thuế phải có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai *(đối với người sử dụng đất là tổ chức)* hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường *(đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân...)* và người sử dụng đất, trong đó nêu rõ lý do chậm giải quyết và hẹn thời gian ra Thông báo thuế để các cơ quan, đơn vị và công dân được biết.

3. Thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

Điều 15. Trách nhiệm phối hợp của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm thu Giấy chứng nhận đã cấp kèm theo trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính và quyết định thu hồi đất (*cả bản giấy và bản số*) để chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quản lý hoặc xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp khi thu hồi một phần thửa đất hoặc một số thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp, để cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính theo quy định tại Điều 152 Luật đất đai năm 2024 và Điều 46 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà tại thời điểm thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận đã cấp bị mất hoặc người sử dụng đất không nộp Giấy chứng nhận thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người sử dụng đất và cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận biết. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra thông tin Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất khai báo bị mất để chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo diện tích đất đã thu hồi, đồng thời ra quyết định huỷ Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 39 Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo quy định.

2. Trường hợp Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận đã cấp mà tại thời điểm thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận đang được thế chấp tại các tổ chức tín dụng, thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và bên nhận thế chấp. Bên nhận thế chấp có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận đã cấp (*bản gốc*) cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, chuyển cho cơ quan đăng ký đất đai thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

Đối với trường hợp Nhà nước thu hồi một phần diện tích trên một thửa đất hoặc một số thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp thì Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với cơ quan đăng ký đất đai và tổ chức tín dụng thực hiện bàn giao Giấy chứng nhận (*Biên bản bàn giao đồng thời giữa 03 cơ quan, đơn vị*) từ tổ chức tín dụng cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý. Sau khi cập nhật, chỉnh lý, Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chủ trì, phối hợp với đơn

vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bàn giao lại Giấy chứng nhận cho tổ chức tín dụng.

3. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đất đã có quyết định cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa trao Giấy chứng nhận cho người được cấp thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người sử dụng đất và cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận biết. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm tra, chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai đối với phần diện tích đất đã thu hồi trước khi bàn giao cho người được cấp.

Điều 16. Trách nhiệm phối hợp của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật đất đai và luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra về đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận lần đầu, cấp đổi, cấp lại, đính chính và thu hồi Giấy chứng nhận; đăng ký biến động, cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính tại địa bàn cấp huyện và cấp xã để kịp thời giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Chỉ đạo hệ thống Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc phối hợp với UBND cấp huyện và UBND cấp xã trong thực hiện kế hoạch hàng năm về cấp Giấy chứng nhận, các quy định về giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai và các nội dung quy định trong Quy chế này.

4. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cấp Giấy chứng nhận khi có đề nghị của UBND cấp huyện và các sở, ban, ngành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Xem xét, đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, đồng thời có hình thức kỷ luật khi phát hiện công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có hành vi vi phạm pháp luật hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với tập thể, cá nhân không thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Các nội dung khác không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 48/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ một phần Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTCBVHTTDL ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện.

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 39/TTrSVHTT&DL ngày 24 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về mức chi bồi dưỡng tập luyện và biểu diễn khi tham gia hội thi, hội diễn hoặc thực hiện nhiệm vụ chính trị đối với đội nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về mức chi bồi dưỡng tập luyện và biểu diễn khi tham gia hội

thi, hội diễn hoặc thực hiện nhiệm vụ chính trị đối với đội nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Bãi bỏ một phần Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ quản lý đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động cấp tỉnh; cấp huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Bãi bỏ khoản 3, Điều 1 và Điều 2 của Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ quản lý đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động cấp tỉnh; cấp huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 3 năm 2025./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hỗ trợ di dời vật nuôi khi
nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP
ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31
tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 79/TTr-SNN ngày 24 tháng 02 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp, biện pháp, mức hỗ trợ di dời đối
với từng loại vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất để hỗ trợ cho chủ sở hữu vật nuôi
khi phải di dời trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu vật nuôi phải di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất

1. Các trường hợp được hỗ trợ di dời

- Khu vực thu hồi đất không có dịch bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi.
- Chủ sở hữu vật nuôi phải di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La di dời đến vị trí mới để chăn nuôi đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Chăn nuôi.

2. Biện pháp hỗ trợ

Hỗ trợ bằng tiền trên cơ sở xác định khối lượng vật nuôi thực tế thuộc đối tượng được hỗ trợ di dời bằng phương pháp xác định khối lượng, xác định quãng đường từ nơi thu hồi đất di dời đến vị trí mới để chăn nuôi.

3. Mức hỗ trợ di dời đối với từng loại vật nuôi

Khi Nhà nước thu hồi đất chủ sở hữu vật nuôi được hỗ trợ kinh phí di dời vật nuôi (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với chính quyền địa phương, chủ sở hữu vật nuôi kiểm đếm, xác định khối lượng vật nuôi thực tế, quãng đường từ nơi thu hồi đất di dời đến vị trí mới để chăn nuôi tại thời điểm thu hồi đất để lập dự toán hỗ trợ di dời. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong phương án hỗ trợ.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã tuyên truyền, hỗ trợ, chi trả kịp thời cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn đúng theo quy định.

3. Chủ sở hữu vật nuôi có trách nhiệm phối hợp với tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chính quyền địa phương kiểm đếm, xác định khối lượng vật nuôi thực tế, quãng đường từ nơi thu hồi đất di dời đến vị trí mới để chăn nuôi tại thời điểm thu hồi đất, chấp hành việc di dời vật nuôi.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có vướng mắc, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo và đề xuất giải pháp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2025.

2. Đối với những dự án, hạng mục dự án đã được phê duyệt phương án bồi thường hoặc đang chi trả bồi thường theo phương án bồi thường đã được phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được duyệt, không áp dụng theo Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

Phụ lục
MỨC HỖ TRỢ DI DỜI ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI VẬT NUÔI KHI
NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (Đồng)
I	Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường đến 05 km		
1	Đường cứng hoá (Đường nhựa, bê tông, đường cấp phối)		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	140.000
-	Lợn	Tấn/Km	150.000
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	160.000
-	Gia cầm	Tấn/Km	170.000
-	Đông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rong đất và ruồi lính đen	Kg/Km	190
2	Loại đường đất		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	150.000
-	Lợn	Tấn/Km	160.000
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	170.000
-	Gia cầm	Tấn/Km	180.000
-	Đông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rong đất và ruồi lính đen	Kg/Km	200
II	Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường từ trên 05 km trở lên		
1	Đường cứng hoá (Đường nhựa, bê tông, đường cấp phối)		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	6.000
-	Lợn	Tấn/Km	6.500
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	7.500
-	Gia cầm	Tấn/Km	8.000
-	Đông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rong đất và ruồi lính đen	Kg/Km	8,0
2	Loại đường đất		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	7.000
-	Lợn	Tấn/Km	7.500
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	8.000
-	Gia cầm	Tấn/Km	8.500
-	Đông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rong đất và ruồi lính đen	Kg/Km	8,5

Ghi chú:

- Số lẻ (m) quy đổi ra km (VD 250m = 0,25km).
- Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường đến 5 km áp dụng theo mục I phụ lục kèm theo Quyết định.
- Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường từ trên 05 km trở lên áp dụng theo mục II kèm theo Quyết định.

Tổng kinh phí hỗ trợ bằng số kinh phí hỗ trợ của quãng đường đến 05 km (mục I Phụ lục kèm theo Quyết định này) cộng với số kinh phí hỗ trợ của quãng đường từ trên 05 km trở lên (mục II Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Ví dụ: 01 cơ sở chăn nuôi có 01 tấn lợn di chuyển trên loại đường cứng hoá đến vị trí mới để chăn nuôi với quãng đường 20 km thì được hỗ trợ như sau: 05 km x 150.000 đồng/tấn/km = 750.000 đồng, 15 km sau x 6.500 đồng = 97.500 đồng, như vậy tổng tiền được hỗ trợ = 750.000 đồng + 97.500 đồng = 847.000 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 452/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Bảo tàng và Thư viện tỉnh
trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Luật Thư viện năm 2019; Luật Di sản văn hoá năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng; Thông tư số 09/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 153/TTr-SNV ngày 21 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Bảo tàng và Thư viện tỉnh thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên cơ sở hợp nhất Bảo tàng tỉnh và Thư viện tỉnh trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Bảo tàng và Thư viện tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thực hiện nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày giới thiệu truyền thống, lịch sử, di sản văn hóa, bằng chứng vật chất về thiên nhiên, con người, môi trường sống của con người; các sưu tập hiện vật có giá trị tiêu biểu của tỉnh Sơn La phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giáo dục truyền thống, thẩm quan và hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Quản lý, bảo vệ và phát huy các công trình văn hoá - tâm linh. Xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, kết nối và tổ chức khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trong Thư viện tỉnh phù hợp với đặc điểm, yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bảo tàng và Thư viện tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở làm việc, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo tàng và Thư viện tỉnh theo quy định.

2. Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chỉ đạo Bảo tàng và Thư viện tỉnh đánh giá xây dựng thực hiện mức độ tự chủ tài chính trình UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Bảo tàng tỉnh và Thư viện tỉnh hoàn thiện các quy trình thủ tục trong quyết toán tài chính, tài sản và các vấn đề khác có liên quan; giao nộp, bàn giao con dấu cho cơ quan có thẩm quyền quản lý chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ; Tài chính; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; bãi bỏ Quyết định số Quyết định số 124/QĐ-TC ngày 02 tháng 3 năm 1985 của UBND tỉnh Sơn La; Quyết định số 725/QĐ-CTUBND ngày 14 tháng 4 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La và những Quyết định, quy định trước trái với Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 453/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định
trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 153/TTr-SNV ngày 21 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và truyền thông với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

1. Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, thực hiện Quản lý hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung của tỉnh tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; thực hiện các dịch vụ công lĩnh vực

Công nghệ thông tin; tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu, và thực hiện các nhiệm vụ khác trong lĩnh vực công nghệ thông tin; thực hiện các dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ quản lý nhà nước và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở làm việc, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định theo quy định.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định đánh giá xây dựng mức độ thực hiện tự chủ tài chính trình UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoàn thiện các quy trình thủ tục trong quyết toán tài chính, tài sản và các vấn đề khác có liên quan; giao nộp, bàn giao con dấu cho cơ quan có thẩm quyền quản lý chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; bãi bỏ Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2010 của UBND tỉnh, Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2009 của UBND tỉnh và những Quyết định, quy định trước trái với Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 468/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Trung tâm Giám định chất lượng
và Quy hoạch xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 15/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 153/TTr-SNV ngày 21 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Quy hoạch xây dựng và Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng.

1. Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Xây dựng; Thực hiện công tác Giám định tư pháp xây dựng về công trình xây dựng theo vụ việc, theo trung cầu, yêu cầu giám định theo quy định; thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng; nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ về chất lượng công trình xây dựng, kiến trúc, quy hoạch xây dựng; phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng; thực hiện các dịch vụ tư vấn về hoạt động xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Thực hiện các nhiệm vụ do Sở Xây dựng và Giám đốc Sở Xây dựng giao theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật, được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự theo quy định của Luật Viên chức và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng theo quy định.

2. Trung tâm Quy hoạch xây dựng và Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng hoàn thiện các quy trình thủ tục trong quyết toán tài chính, tài sản và các vấn đề khác có liên quan; giao nộp, bàn giao con dấu cho cơ quan có thẩm quyền quản lý chậm nhất ngày 15 tháng 3 năm 2025

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; bãi bỏ Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2015 và Quyết định số 3120/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 469/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở tiếp nhận thêm nhiệm vụ chuyển đổi số, thông tin dữ liệu lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, giảm nghèo thành Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND cấp tỉnh, phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 174/TTr-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở tiếp nhận thêm nhiệm vụ

vụ chuyển đổi số, thông tin dữ liệu lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, giảm nghèo thành Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1. Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu là đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện các hoạt động xây dựng, triển khai chính quyền điện tử, chuyển đổi số về tài nguyên và môi trường; thực hiện các hoạt động thông tin tư liệu và ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý và theo phân cấp; tổ chức thực hiện các dịch vụ các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật; các hoạt động dịch vụ theo Giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở làm việc, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Chuyển đổi số và thông tin, dữ liệu đánh giá, xây dựng mức độ thực hiện tự chủ tài chính trình UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và bãi bỏ các Quyết định quy định trước trái với Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 472/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Tổ chức lại Trung tâm khuyến nông trên cơ sở sáp nhập
với Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trực thuộc Sở
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Trung tâm khuyến nông
trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 174/TTr-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại Trung tâm khuyến nông trên cơ sở sáp nhập với Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Trung tâm khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1. Trung tâm khuyến nông là đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện các hoạt động sự nghiệp về khuyến nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; thực hiện các hoạt động sự nghiệp về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở làm việc, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm khuyến nông.

2. Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoàn thiện các quy trình thủ tục trong quyết toán tài chính, tài sản và các vấn đề khác có liên quan; giao nộp, bàn giao con dấu cho cơ quan có thẩm quyền quản lý chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm 2025.

3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Trung tâm khuyến nông đánh giá xây dựng mức độ thực hiện tự chủ tài chính trình UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và bãi bỏ các Quyết định, quy định trước trái với Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 474/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường
trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 174/TTr-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

1. Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường là đơn vị sự nghiệp công lập; có chức năng giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ:

quan trắc môi trường, tài nguyên nước, đa dạng sinh học; đánh giá chất lượng môi trường; giám sát, vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục; vận hành hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường, xây dựng các báo cáo về chất lượng môi trường; thực hiện các dịch vụ công trong các lĩnh vực về môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, đa dạng sinh học, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; thực hiện các hoạt động sự nghiệp về lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật, được giao quyền tự chủ chi thường xuyên theo quy định của Luật Viên chức và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường.

2. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện các quy trình thủ tục trong quyết toán tài chính, tài sản và các vấn đề khác có liên quan; giao nộp, bàn giao con dấu cho cơ quan có thẩm quyền quản lý chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và bãi bỏ các Quyết định, quy định trước trái với Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 480/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai tháng cao điểm
hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Hộ tịch năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 22/TTr-STP ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai tháng cao điểm hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai tháng cao điểm hoàn thành

số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 03/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức thực hiện đợt cao điểm, huy động sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành, quyết tâm hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ về số hóa dữ liệu hộ tịch, xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, sử dụng dữ liệu hộ tịch đã số hóa để phục vụ đăng ký các thủ tục hành chính về lĩnh vực hộ tịch, cũng như đẩy mạnh việc đăng ký hộ tịch trực tuyến theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến và Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP.

- Xây dựng và tạo lập Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của tỉnh, góp phần tạo lập dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, bảo đảm triển khai áp dụng thống nhất, có sự kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch trên phạm vi toàn quốc và đồng bộ các thông tin cơ bản của cá nhân với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

2. Yêu cầu

- 100% dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh được số hóa và làm sạch dữ liệu xong trước ngày 31 tháng 3 năm 2025 theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp và Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ (*hiện nay, toàn tỉnh còn 285.559 dữ liệu hộ tịch chưa hoàn thành việc số hóa, số dữ liệu này thuộc giai đoạn trước năm 1998 và giai đoạn từ năm 2017 đến tháng 9 năm 2019*).

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 đến ngày 25 tháng 3 năm 2025.

- Tổ chức giao chỉ tiêu, lộ trình hoàn thành cụ thể đối với từng đơn vị, địa phương các cấp trong thực hiện từng nội dung, nhiệm vụ phục vụ số hóa dữ liệu hộ tịch, bảo đảm “*rõ việc, rõ người, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm*”.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối với dữ liệu hộ tịch từ năm 1998 trở về trước và dữ liệu hộ tịch từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 9 tháng 9 năm 2019.

a) Thu thập và phân loại các Sổ hộ tịch cần số hóa

Chuẩn bị hồ sơ, thực hiện thu thập, rà soát, thống kê, phân loại các Sổ hộ tịch cần số hóa theo từng năm.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Tư pháp, UBND cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 07 tháng 3 năm 2025

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn số hóa dữ liệu hộ tịch

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 10 tháng 3 năm 2025.

c) Scan sổ hộ tịch và đặt tên file dữ liệu theo từng sổ, từng năm

Quy trình số hóa dữ liệu hộ tịch thực hiện theo tài liệu kỹ thuật do Bộ Tư pháp hướng dẫn, trong đó thực hiện scan hoặc chụp các Sổ hộ tịch gốc đã được thu thập và phân loại, bảo đảm mỗi trường hợp đã được đăng ký trong sổ hộ tịch gốc phải được scan hoặc chụp thành 01 file pdf riêng (*lưu, đặt tên theo quy tắc để tìm: có thể đặt theo tên, giới tính; số đăng ký, năm đăng ký*), có dung lượng không quá 100Kb, bảo đảm đủ chất lượng để có thể nhìn rõ các thông tin bằng mắt thường. Các file pdf này được dùng để tạo liên kết với các dữ liệu hộ tịch (*thông tin hộ tịch đã đăng ký*) tương ứng trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử nhằm phục vụ công tác lưu trữ dữ liệu cũng như để đối chiếu, rà soát và xác thực thông tin khi cần thiết.

- Cơ quan, đơn vị chủ trì: Phòng Tư pháp, UBND cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 15 tháng 3 năm 2025.

d) Rà soát, đối chiếu dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu dân cư với dữ liệu trong Sổ hộ tịch

- Đơn vị thực hiện: UBND cấp xã (*Công an cấp xã, Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã*).

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 15 tháng 3 năm 2025 (*thực hiện song song với việc Scan Sổ hộ tịch tại điểm 2, mục A, phần II - Đối chiếu xong đến đâu thực hiện scan trang sổ đến đó*).

đ) Số hóa Sổ hộ tịch trên phần mềm 158

Cập nhật toàn bộ thông tin hộ tịch đã được đăng ký trong các Sổ hộ tịch gốc được lưu giữ tại các cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh đối với dữ liệu hộ tịch từ năm 1998 trở về trước và dữ liệu hộ tịch từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 09 tháng 9 năm 2019, bao gồm 2.895 quyển Sổ hộ tịch với 285.559 dữ liệu.

- Đơn vị chủ trì thực hiện:

+ Phòng Tư pháp (*đối với dữ liệu thuộc thẩm quyền đăng ký của Phòng Tư pháp*);

+ UBND cấp xã (đối với dữ liệu thuộc thẩm quyền đăng ký của UBND cấp xã).

Trong đó: Công an cấp xã, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã và các ngành khác thực hiện theo chỉ đạo của UBND cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 20 tháng 3 năm 2025 (thực hiện song song với việc Scan Sổ hộ tịch tại điểm 2, điểm 3, mục A, phần II).

e) Đính kèm file scan, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung dữ liệu trên phần mềm 158

Thực hiện trên cơ sở hướng dẫn tại Công văn số 1437/BTP-CNTT ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn số hóa Sổ hộ tịch, Công văn số 737/HTQTCT-HT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp về việc chuyển dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch; Quy trình số 1292/HTQTCT-QLHC ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06), Bộ Công an.

- Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện: Phòng Tư pháp, UBND cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 25 tháng 3 năm 2025.

2. Đối với dữ liệu hộ tịch trùng đã phê duyệt nhưng chưa chuyển sang Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp (giai đoạn từ năm 1999 đến hết năm 2016)

Tiến hành xử lý những thông tin hộ tịch đã đăng ký trái quy định theo quy định của Luật Hộ tịch; cập nhập bổ sung các trường thông tin còn thiếu (đối với thông tin lưu nháp); bổ sung đính kèm bản scan trang sổ đăng ký hộ tịch tương ứng đối với các trường hợp nhập bù để cấp bản sao...của giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2016.

- Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện: Phòng Tư pháp, UBND cấp xã

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp.

- Hoàn thành: Xong trước ngày 15 tháng 3 năm 2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến để triển khai, quán triệt, tập huấn triển khai Kế hoạch cao điểm hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch; thành phần triệu tập gồm: Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã, Trưởng Công an cấp xã, đội ngũ công chức Tư pháp các cấp; đại diện lãnh đạo các Sở, ngành: Nội vụ; Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; đại diện lãnh đạo các ngành, đơn vị dự kiến huy động lực lượng tham gia hỗ trợ số hóa dữ liệu hộ tịch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đôn đốc, sẵn sàng hướng dẫn, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn về nghiệp vụ trong quá trình số hóa cho các lực lượng được huy động tham gia tại các địa phương kịp thời nắm bắt và thực hiện ngay.

- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh bố trí nhân lực để hỗ trợ cho công tác số hóa.

- Trong quá trình thực hiện, cần thống kê lại số lượng các đơn vị để phân công chỉ tiêu ngày, thời hạn hoàn thành cụ thể, phù hợp với từng đơn vị UBND cấp huyện, cấp xã.

- Thường xuyên nắm bắt, tổng hợp những cách làm hay, sáng tạo để nhân rộng cho các đơn vị khác vận dụng linh hoạt.

- Dự toán kinh phí, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tham mưu thực hiện công tác kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, hoàn thành đúng hạn, trước hạn các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao thực hiện Số hoá Sổ hộ tịch.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức tổng kết thực hiện nhiệm vụ Số hoá Sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Công an tỉnh

- Phối hợp Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong quá trình triển khai, thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch.

- Hỗ trợ nhân lực, trang thiết bị (*máy vi tính, máy scan, máy photocopy*) đối với Công an cấp xã.

- Chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tham mưu UBND cấp xã tổ chức triển khai bảo đảm tiến độ, hiệu quả nhiệm vụ được giao; đối soát dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu dân cư với dữ liệu trong Sổ hộ tịch.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên để triển khai thực hiện Kế hoạch này. Có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo phân cấp quản lý hiện hành.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Tư pháp đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích hoàn thành xuất sắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ Số hoá Sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sơn La.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn quy trình số hóa dữ liệu hộ tịch và hỗ trợ nhân lực phục vụ công tác số hóa dữ liệu hộ tịch.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo các cơ quan truyền thông của tỉnh tổ chức tuyên truyền Kế hoạch triển khai tháng cao điểm hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sơn La đến các cơ quan, tổ chức nắm bắt, phối hợp và hỗ trợ thực hiện, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, thời gian thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp; UBND cấp xã triển khai thực hiện số hóa sổ hộ tịch thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo nội dung tại Phần II của Kế hoạch; đôn đốc, kiểm tra tiến độ việc thực hiện số hóa, báo cáo kết quả theo đúng thời gian quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu hộ tịch đã được số hóa tại đơn vị theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Tài liệu kèm theo Công văn số 1437/BTP-CNTT ngày 25 tháng 4 năm 2019 về số hóa Sổ hộ tịch.

- Chỉ đạo Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin cử cán bộ có trình độ công nghệ thông tin, hỗ trợ Phòng Tư pháp, UBND cấp xã triển khai thực hiện số hoá đúng tiến độ.

- Bố trí kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi địa phương quản lý.

- Phối hợp với các sở, ngành trong quá trình triển khai thực hiện số hoá dữ liệu hộ tịch trên địa bàn.

8. UBND các xã, phường, thị trấn

- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này; bố trí nhân sự, cơ sở vật chất như máy tính, máy scan, máy điện thoại, máy photocopy, đường truyền internet bảo đảm việc số hóa sổ hộ tịch thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Giao công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, đề nghị trưng dụng cán bộ của các ngành khác (*Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, giáo viên các trường, ...*) để thực hiện.

- Thành lập tổ công tác (*do Chủ tịch UBND cấp xã làm Tổ trưởng, 02 Tổ phó gồm: công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã làm Tổ phó thường trực, Công an xã là Tổ phó, các đoàn thể là thành viên*) để theo dõi, làm nòng cốt thực hiện và đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, phê duyệt các dữ liệu đã được số hóa để chuyển vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của dữ

liệu hộ tịch đã được số hóa tại đơn vị theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Tài liệu kèm theo Công văn số 1437/BTP-CNTT ngày 25 tháng 4 năm 2019 về số hóa Sổ hộ tịch.

9. Chế độ thông tin báo cáo từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 đến ngày 25 tháng 3 năm 2025

- UBND cấp xã báo cáo kết quả thực hiện về UBND cấp huyện (*qua Phòng Tư pháp*) trước 17h00 giờ hằng ngày; UBND cấp huyện báo cáo kết quả về UBND tỉnh (*qua Sở Tư pháp*) trước 17h30 hằng ngày.

- Sở Tư pháp tổng hợp kết quả thực hiện theo ngày báo cáo UBND tỉnh và Tổ Công tác Đề án 06 của Chính phủ (*qua Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh*) trước 18h00 hằng ngày.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước năm 2025 đã giao cho các đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố tại Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh. Trường hợp có phát sinh dự toán kinh phí theo nhiệm vụ được giao, đề nghị các đơn vị lập dự toán gửi Sở Tư pháp tổng hợp, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật (*nếu có*).

Trên đây là Kế hoạch triển khai tháng cao điểm hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sơn La. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện; trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc phản ánh về UBND tỉnh (*qua Sở Tư pháp*) để được hướng dẫn, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/CT-UBND

Sơn La, ngày 12 tháng 3 năm 2025

CHỈ THỊ**Về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng
và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025**

Trước tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, hiện tượng nắng nóng, khô hanh kéo dài, nhiều khu rừng trên địa bàn tỉnh đang ở cấp cảnh báo cháy rừng cấp IV, cấp V (*cấp nguy hiểm, cấp cực kỳ nguy hiểm*). Từ đầu tháng 02 năm 2025 đến nay trên địa bàn các huyện, thành phố đã xảy ra một số vụ cháy vào rừng và cháy thảm thực vật lau lách trên đất nông lâm nghiệp. Qua theo dõi, kiểm tra, một số cấp uỷ, chính quyền địa phương chưa làm tốt công tác tuyên truyền theo khuyến cáo của ngành Nông nghiệp và Môi trường; người dân chưa chấp hành các quy định việc sử dụng lửa gần rừng khi đốt nương làm rẫy; bên cạnh đó, một số trang mạng xã hội và cá nhân đã thông tin, đăng tin sai sự thật là cháy rừng gây thiệt hại lớn (*thực tế là cháy thảm thực vật, cỏ tranh lau lách*) dẫn đến hoang mang, hiểu sai trong dư luận, ảnh hưởng đến công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 26/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 3 năm 2025, để chủ động triển khai kịp thời, nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng (BVR, PCCCR), giảm thiểu thiệt hại do cháy rừng gây ra, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các chủ rừng: Tiếp tục quán triệt, thực hiện có hiệu quả Công văn số 5016-CV/TU ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sơn La về việc tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; Chỉ thị số 9892/CT-BNN-LN ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổ chức phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp xuân Ất Ty, tăng cường công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng năm 2025; Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về Bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Cam kết về tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước của Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố với Chủ tịch UBND tỉnh trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng năm 2025; tổ chức đồng bộ các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương. Tăng cường công tác thanh tra,

kiểm tra an toàn về BVR, PCCCR đối với các vùng trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao trên địa bàn, kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về BVR, PCCCR.

- Tăng cường công tác theo dõi, nắm bắt tình hình, rà soát, khoanh vùng trọng điểm các khu vực, địa bàn có nguy cơ xảy ra cháy cao; kiểm soát, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi phát đốt nương rẫy không đúng quy định; thực hiện nghiêm phương châm “*bốn tại chỗ*”; rà soát, đảm bảo đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư, kinh phí cho công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; kịp thời phát hiện và sẵn sàng chủ động trong mọi tình huống cháy rừng xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất số vụ, thiệt hại do cháy rừng gây ra.

- Chỉ đạo các lực lượng chức năng, cơ quan thông tin, truyền thông, hệ thống đài truyền thanh các huyện, thành phố và các xã, phường thị trấn kịp thời đưa thông tin về dự báo, cảnh báo cháy rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng; tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về BVR, PCCCR, khuyến cáo người dân tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng: *Cấm mang lửa vào rừng săn bắt động vật rừng, đốt ong; khi đốt nương, rẫy, đồng ruộng, đốt thực bì người sử dụng lửa phải thực hiện: Biện pháp an toàn phòng cháy và chữa cháy; không đốt vào những ngày có gió to, những ngày dự báo nguy cơ cháy rừng ở cấp IV (cấp nguy hiểm), cấp V (cấp cực kỳ nguy hiểm) theo hướng dẫn, khuyến cáo của ngành Nông nghiệp và Môi trường, lực lượng Kiểm lâm.*

- Chỉ đạo các lực lượng liên ngành (*Kiểm lâm, Công an, Quân đội và các lực lượng có liên quan*) thực hiện quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, hỗ trợ triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo chức năng quản lý nhà nước được phân công; có các phương án bảo đảm lực lượng, vật tư, trang thiết bị và hậu cần, thường trực, sẵn sàng phối hợp các lực lượng ứng phó, xử lý các tình huống cấp bách trong bảo vệ rừng và chữa cháy rừng; phối hợp xác định cụ thể và xử lý nghiêm minh các đối tượng gây ra cháy, cũng như những cá nhân tuyên truyền sai sự thật.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện công tác quản lý Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm:

+ Tham mưu chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn; chủ động phối hợp với các ngành chức năng, chính quyền địa phương các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật trong cộng đồng dân cư về công tác BVR, PCCCR; triển khai các phương án quản lý rừng theo đúng các quy định của pháp luật; bố trí, tăng cường lực lượng tại các xã vùng trọng điểm và các khu vực có nguy cơ xảy ra

cháy rừng cao. Chủ động bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng phó với các tình huống khi có cháy rừng xảy ra.

+ Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, nắm bắt, theo dõi, xử lý thông tin, dự báo, cảnh báo tình hình cháy rừng thường xuyên đăng tải trên hệ thống thông tin cảnh báo sớm của Cục Kiểm lâm tại trang điện tử **kiemlam.org.vn** để chỉ đạo kiểm tra, xác minh, xử lý kịp thời. Bố trí lực lượng thường trực 24/24 giờ để tiếp nhận thông tin tình hình cháy rừng tại các địa phương, đơn vị; tổng hợp tình hình thực hiện của các địa phương, đơn vị, diễn biến tình hình cháy rừng trên địa bàn tỉnh, báo cáo kịp thời Trưởng ban Chỉ đạo Phát triển lâm nghiệp bền vững và Chủ tịch UBND tỉnh để có phương án huy động lực lượng, phương tiện ứng cứu chữa cháy rừng khi cần thiết.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao, hiện đại trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát hiện sớm mất rừng, cháy rừng đảm bảo hiệu quả.

+ Đề xuất, tham mưu cho cấp có thẩm quyền tiếp tục triển khai thực hiện các Dự án nâng cao năng lực trang thiết bị, phương tiện về PCCCR cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn tỉnh đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

4. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường phối hợp chặt chẽ với lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương, chủ rừng tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR, chống người thi hành công vụ; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn. Chủ động sẵn sàng lực lượng, phương tiện để tham gia chữa cháy rừng; chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư kịp thời ứng cứu các tình huống khẩn cấp về cháy rừng khi có yêu cầu của địa phương.

- Công an tỉnh chỉ đạo Công an cấp xã chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng Kiểm lâm và chủ rừng tổ chức điều tra, xác minh, làm rõ nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng (nếu có) để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo lực lượng An ninh mạng xử lý nghiêm các đối tượng thông tin, đăng tin sai sự thật về cháy rừng tại địa phương trên các mạng xã hội để đảm bảo thông tin đúng tình hình về công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Sở, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí đảm bảo chế độ chính sách, động viên kịp thời lực lượng Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ

rừng chuyên trách yên tâm công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với với điều kiện thực tiễn của địa phương và theo quy định của pháp luật.

6. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn Hoá, Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La và các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về BVR, PCCCR; thông tin về những tổ chức, cá nhân điển hình làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, phản ánh những hạn chế để khắc phục ở địa phương, đơn vị. Tăng thời lượng phát sóng, đăng tin bài..., kịp thời đưa thông tin về dự báo, cảnh báo cháy rừng trên bản tin thời tiết đài phát thanh truyền hình tỉnh và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đề nghị các đơn vị viễn thông trên địa bàn tỉnh gửi tin nhắn cho các thuê bao di động tin nhắn, nội dung: *“Hiện nay một số khu vực trên địa bàn tỉnh Dự báo cháy rừng đang ở Cấp IV (cấp nguy hiểm), Cấp V (cấp cực kỳ nguy hiểm). Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La khuyến cáo: Các chủ rừng và người dân chấp hành nghiêm các quy định của Pháp luật về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; tuyệt đối không sử dụng lửa trong rừng, đốt nương làm rẫy gần rừng”*, tần suất nhắn tin 02 lần/tháng, vào các ngày cao điểm nắng nóng và tháng cao điểm (từ tháng 3 đến hết tháng 4 năm 2024).

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trong các trường học.

8. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác BVR, PCCCR.

9. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Hội, đoàn thể tỉnh

Tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý, BVR, PCCCR trên địa bàn tỉnh; phát động phong trào thi đua, ký cam kết làm tốt công tác BVR, PCCCR, thành lập các tổ đội tham gia chữa cháy rừng tại địa phương sẵn sàng tham gia chữa cháy rừng khi có yêu cầu.

Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các sở, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, các chủ rừng triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com